TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Bà Nông Thị Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2017/TLST – DS ngày 22/3/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST- DS ngày 29/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Minh L**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, khu phố AB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L là: Bà **Nguyễn Ngọc Diễm H** sinh năm 1965 (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Số 219/9, đường Phạm Ngũ Lão, phường Phạm NgL, quận I, Thành Phố Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp XC, xã ThB, huyện HQu, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà **Bùi Thị Th**, sinh năm 1973 (đã bị tuyên bố mất tích)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1997 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1938 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Cùng có địa chỉ cư trú: Tổ 9, khu phố PhA, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

4/ Bà **Nguyễn Thị Tuyết Tr**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp HY, xã TH, huyện HQu, tỉnh Bình Phước.

5/ Bà **Nguyễn Thị Minh Tr**, sinh năm 1993 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp HY, xã TH, huyện HQu, tỉnh Bình Phước.

Chổ ở: Khu phố 7, phường TT, quận BT, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Ngọc Diễm H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/2013 bà Bùi Thị Th vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* với thời hạn vay là 12 tháng khi vay có viết giấy mượn tiền, bà Th và và L cùng ký tên. Đến ngày 06/9/2013 bà Th tiếp tục vay của bà L 58.00.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng)* với hình thức trả góp mỗi ngày 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Hai bên có làm giấy biên nhận có chữ ký của bà Th. Quá trình vay bà Th chỉ trả góp cho bà L được 01 ngày với số tiền là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* vào ngày 06/9/2013 sau đó bà Th bỏ nhà đi đâu không rõ. Ngày 05/4/2016, bà Th bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long tuyên bố mất tích. Bà L khởi kiện yêu cầu bà Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ kiên quan là chồng, con, mẹ chồng của bà Th gồm: ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho bà L số tiền 158.000.00 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng). Tại phiên tòa bà H đại diện bà L rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc 300.000 bà Th đã trả cho bà L và rút yêu cầu ông T, bà Tr, bà Tr, ông Tr, bà H phải liên đới với bà Th trả nợ cho bà L. Bà L chỉ yêu cầu bà Th phải trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 157.700.000 đồng *(Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn Bùi Thị Th đã bị Tòa án nhân dân thị xã bình Long tuyên bố mất tích.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2018 ông T trình bày:*

Bà Bùi Thị Th là vợ của ông T, ngày 04/5/2016 bà Th đã bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long tuyên bố mất tích. Khi còn chung sống, ông không biết việc bà Th vay tiền của bà L như thế nào, vay bao nhiêu tiền và vay để làm gì nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật trong trường hợp Tòa án thu thập chứng cứ chứng minh được bà Th có vay tiền của L như bà L đã trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Tr vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2018 ông Tr trình bày:*

Ông Tr không biết và cũng không nghe nói việc bà Th vay tiền của bà L như thế nào, vay bao nhiêu và vay để làm gì nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh Tr vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2018 bà Tr trình bày:*

Bà Tr không biết và cũng không nghe nói việc bà Th vay tiền của bà L như thế nào, vay bao nhiêu và và vay để làm gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018 bà H trình bày:*

Bà H không biết việc bà Th vay tiền của bà L như thế nào, vay bao nhiêu, vay vào thời gian nào. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Trong trường hợp Tòa án buộc bà Th trả tiền cho bà L bà đề nghị xử lý tài sản của bà Th mà bà đang quản lý theo quyết định tuyên bố mất tích số 01/2016/QĐST ngày 05/4/2016 theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 471, Điều 474 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L, buộc bị đơn bà Bùi Thị Th phải trả cho bà L số tiền 157.700.000 đồng *(Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)*

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

Áp dụng Điều 147, Khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn bà Bùi Thị Th chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tranh chấp trên xuất phát từ hợp đồng vay tài sản, đồng thời bị đơn bà Bùi Thị Th có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 9, khu phố PhA, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Bình Long.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Nguyễn Ngọc Diễm H có mặt, Bị đơn bà Bùi Thị Th đã bị tuyên bố mất tích, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Minh Tr, bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết Tr vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Tòa án đã niêm quyết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bà Tr đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] *Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Diễm H rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền gốc vay bà Th đã trả và rút yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị H phải liên đới cùng bà Th trả nợ cho nguyên đơn. Xét thấy bà H được nguyên đơn ủy quyền quyết định mọi vấn đề

khi tham gia giải quyết vụ án, việc tại phiên tòa bà H đại diện nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[3] *Về áp dụng luật nội dung giải quyết vụ án:* Bà L khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại tiền gốc đã vay. Xét thấy, các hợp đồng vay tiền giữa bà Th và bà L được thỏa thuận, xác lập và thực hiện vào ngày 15/3/2013 và ngày 07/9/2013. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng luật nội dung về hợp đồng vay tài sản quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa bà L và bà Th.

[3] *Xét yêu cầu trả tiền gốc vay của bà L nhận thấy*: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Ngày 15/3/2013 bà L cho bà Th vay 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* đến ngày 06/9/2013 bà L tiếp tục cho bà Th vay 58.000.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng)*, ngày 06/3/2013 bà Th đã trả được cho bà L 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền gốc vay. Kèm theo đơn khởi kiện bà L nộp tài liệu chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 15/3/2013 có nội dung: *"Tôi tên Bùi Thị Th, ngụ tại tổ 9, khu phố PhA, phường AL, B L, Bình Phước. Hôm nay ngày 15/3/2013 tôi có mượn của chị Đặng Thị Minh L, sinh năm 1970, ngụ tại tổ 6, khu phố PhA, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước số tiền 100.000.000 đồng, viết bằng chữ một trăm triệu đồng. thời gian mượn là 12 tháng. Tôi cam đoan sẽ trả hoàn tất số tiền vào ngày 15/3/2014 đúng như sự thỏa thuận giữa tôi và chị Đặng Thị Minh L"* và Biên nhận ngày 06/9/2013 có nội dung: *"Tôi tên Bùi Thị Th, ở tổ 9, khu phố PhA, AL, BL, Bình Phước. Có mượn của chị L số tiền là 58.000.000 đồng, viết bằng chữ năm mươi tám triệu đồng. hẹn góp hàng ngày, một ngày góp 300.000 đồng, ngày góp 06/9/2013"* và có nội dung *"Th nợ 07/9/2013 không đóng nữa"*. Trên Giấy mượn tiền và Biên nhận trên có chữ ký và chữ viết tên Bùi Thị Th.

Bà Th đã bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long tuyên bố mất tích nên không làm việc được với bà Th về các khoản vay trên. Đối với ông T, ông Tr, bà Tr, bà H trình bày hoàn toàn không biết việc bà Th vay tiền của bà L như thế nào, vay bao nhiêu và vay để làm gì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh giám định chữ ký và chữ viết tên Bùi Thị Th trên Giấy mượn tiền ngày 15/3/2013 và

Biên nhận ngày 06/9/2013 với mẫu so sánh là chữ ký và chữ viết tên Bùi Thị Th trên Giấy ủy quyền có số công chứng 1368 ngày 17/4/2013 tại Văn phòng công chứng An Lộc. Tại kết luận số 2426/C54B ngày 17/7/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: *"Chữ ký và chữ viết tên Bùi Thị Th trên Giấy mượn tiền ngày 15/3/2013, trên Biên nhận ngày 06/9/2013 và chữ ký, chữ viết tên Bùi Thị Th trên mẫu so sánh là Giấy ủy quyền có số công chứng 1368 ngày 17/4/2013 tại Văn phòng công chứng An Lộc do một người viết ra"*. Như vậy, có cơ sở kết luận vào ngày 15/3/2013 bà Th có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* với thời hạn vay là 12 tháng và ngày 06/9/2013 bà Th có vay của bà L số tiền 58.000.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng)* với hình thức trả góp mỗi ngày 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và bà Th đã trả cho bà L được 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền gốc vay vào ngày 06/9/2013 như bà L trình bày. Do đó việc bà L khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại tiền gốc vay với tổng số tiền gốc vay là 157.700.000 đồng *(Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về Chi phí giám định:* Căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên bà Th phải hoàn trả cho bà L 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* chi phí giám định theo phiếu thu số 713 ngày 12/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh (Bút lục 126)

[5] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Minh L được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị Th phải chịu 7.885.000 đồng *(Bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L không phải chịu án phí.

[6] *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bị đơn bà Bùi Thị Th phải trả cho bà L số tiền 157.700.000 đồng *(Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng);* Đề nghị đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút và buộc bị đơn bà Bùi Thị Th chịu án phí và chi

phí tố tụng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1/ Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L đối với số tiền gốc vay 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* và yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị H phải liên đới cùng bà Th trả nợ cho bà L.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L.

Buộc bà Bùi Thị Th phải trả cho bà Đặng Thị Minh L 157.700.000 *(Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ *Xử lý án phí và chi phí giám định:* Bị đơn bà Bùi Thị Th phải chịu 7.885.000 đồng *(Bảy triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Minh L 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* chi phí giám định. Bà Đặng Thị Minh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long trả lại cho bà L số tiền 3.950.000 đồng *(Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004061 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Đức